

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ D  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2022/HS-ST  
Ngày 07-7-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;  
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 141/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Đỗ Văn T1, sinh năm 1974 tại tỉnh Thái Bình; hộ khẩu thường trú: thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C, sinh năm 1950 và bà Trần Thị Q, sinh năm 1952; vợ Hoàng Thị S, sinh năm 1977; bị cáo có 03 người con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2021 cho đến nay, có mặt.

**- Bị hại:** Công ty Cổ phần M. Địa chỉ: khu phố Đ, phường Tân Đông Hiệp, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vòng Nhật H, sinh năm 1969 - Trưởng phòng an toàn của Công ty, vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Đỗ Văn M - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV V thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 16/5/2006 đến ngày 20/6/2006, Đỗ Văn T1 là nhân viên bảo vệ thuộc Công ty L - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, T1 được Công ty L phân công bảo vệ mục tiêu tại Công ty Cổ phần M (trước đây là Công ty TNHH S), phường (trước đây là xã) T, thành phố (trước đây là huyện) D, tỉnh Bình Dương. Làm chung với T1 còn có Đinh Trung H1 là ca trưởng có nhiệm vụ bố trí các chốt gác trong ca trực, trong thời gian này Đinh Trung H1 quen biết với Hồng Thủy H2 là nhân viên phụ trách kho nguyên vật liệu của Công ty Cổ phần M nên H1 rủ Hồng Thủy H2 lấy trộm dây cáp điện trong kho nguyên liệu của công ty mang ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài, thời gian thực hiện việc chiếm đoạt tài sản là vào ca 3 (từ 22 giờ đến 06 giờ) trong ca trực của H1 thì H2 đồng ý. Cả 02 thống nhất với nhau số dây điện lấy trộm được sẽ cất giấu tại thùng rác bên ngoài cạnh kho nguyên liệu, sau đó H1 sẽ lấy mang ra ngoài tiêu thụ. Sau khi bàn bạc với H1 thì H2 gặp Ngô Kim L1 là thợ điện trong Công ty, H2 kể cho L1 nghe đồng thời rủ L1 tham gia thì L1 đồng ý. Đối với Đinh Trung H1 sau khi rủ H2 chiếm đoạt tài sản của Công ty thì H1 gặp Lê Văn L2, Đào Ngọc H3, Đàm Đức H4, Lê Trung H5, Trương Văn B1 và Đỗ Văn T1 rủ cùng tham gia chiếm đoạt tài sản của Công ty thì tất cả đồng ý. Từ ngày 16/5/2006 đến ngày 20 tháng 6 năm 2006, Đinh Trung H1, Lê Văn L2, Đào Ngọc H3, Đàm Đức H4, Lê Trung H5, Trương Văn B1, Hồng Thủy H2, Ngô Kim L1 và Đỗ Văn T1 đã thực hiện lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty Cổ phần M cụ thể như sau:

#### Vụ thứ nhất:

Vào chiều ngày 16/5/2006, Đinh Trung H1 gọi điện thoại cho Hồng Thủy H2 thông báo cho H2 biết đến tối cùng ngày sẽ mang hàng ra ngoài, sau đó H2 gặp Ngô Kim L1 kêu L1 vào kho nguyên phụ liệu cắt dây cáp điện, L1 vào kho dùng kéo cắt được 03 bao dây cáp điện loại 325mm rồi giấu vào trong thùng rác bên hông kho nguyên phụ liệu. Biết được tài sản chiếm đoạt đã bỏ vào thùng rác bên hông kho nguyên phụ liệu thì H1 nói cho L2, H3, H4 và T1 biết đồng thời nói tối nay sẽ lấy hàng. Đến khoảng 02 giờ ngày 17/5/2006, L2 điều khiển xe mô tô biển số 60H4 - 8122 đến Công ty, tại đây T1 mở cổng để L2 chạy xe mô tô vào lấy 03 bao dây cáp điện chở về nhà của H3 cất giấu. Sáng ngày 17/5/2006, sau khi hết ca trực H3, H4, L2 và T1 đến nhà H3 để lột bỏ lớp nhựa bên ngoài và đem bán cho Mai Hoàng Khương cân được 55kg được số tiền 4.950.000 đồng, H1 chia cho L2, H3, H4, H2, L1 T1 mỗi người 700.000 đồng, số tiền còn lại tất cả tiêu xài chung. Tài sản chiếm đoạt là dây cáp điện loại 325mm có trọng lượng 55 kg lõi đồng trị giá 9.778.896 đồng (theo Biên bản định giá số 69 ngày 06/7/2006 và Biên bản xác định giá trị thiệt hại ngày 27/7/2006).

#### Vụ thứ hai:

Ngày 20/5/2006, Đinh Trung H1, L2, H4 trực tại công ty từ 22 giờ đến 06 giờ sáng. H1 thông báo cho H2 biết tối nay sẽ mang hàng ra ngoài được,

sau đó H2 kêu L1 vào kho nguyên phụ liệu cắt dây cáp điện, L1 vào kho dùng kéo cắt được 03 bao dây cáp điện loại 325mm, sau khi cắt xong, L1 đem giấu vào trong thùng rác bên hông kho nguyên phụ liệu. Sau đó L2 gọi điện thoại kêu H3 và Lê Trung H5 đến chở dây cáp điện. Khoảng 01 giờ ngày 21/5/2006, H3 điều khiển xe mô tô biển số 60T2 - 3212, H5 điều khiển xe mô tô biển số 51X7 - 6204 đến Công ty S, tại đây H1 mở cửa cho H3 và H5 chạy xe máy vào lấy 03 bao dây cáp điện rồi chở về nhà của H3 cất giấu. Đến sáng hết ca trực H3, H4, L2 và T1 về nhà H3 lột bỏ lớp vỏ nhựa bên ngoài dây cáp đem bán cho Trần Thị Kim H là chủ vừa phế liệu tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, cân được 60kg với số tiền 6.600.000 đồng. Có được tiền H1 chia cho L2, H3, H4, H2, L1, H5 và T1 mỗi người 800.000 đồng, số tiền còn lại tất cả tiêu xài chung. Tài sản chiếm đoạt là dây cáp điện loại 325mm có trọng lượng 60 kg lõi đồng, có trị giá 10.667.860 đồng (theo Biên bản định giá số 69 ngày 06/7/2006 và Biên bản xác định giá trị thiệt hại ngày 27/7/2006).

#### Vụ thứ ba:

Ngày 28/5/2006, Đinh Trung H1, L2 và T1 trực tại Công ty từ 22 giờ đến 06 giờ sáng. H1 thông báo cho H2 biết tối cùng ngày sẽ mang hàng ra ngoài, sau đó H2 kêu L1 vào kho nguyên phụ liệu cắt dây cáp điện, L1 vào kho dùng kéo cắt được 03 bao dây cáp điện loại 325mm, sau khi cắt xong, L1 đem giấu vào trong thùng rác bên hông kho nguyên phụ liệu. Sau đó H1, L2 gọi điện thoại nói H3 và H4 đến chở dây cáp điện. H3 điều khiển xe mô tô biển số 60T2 - 3212, H4 điều khiển xe mô tô biển số 53S2 - 0395 đến Công ty S. Khi đến nơi H1 mở cửa cho H3, H4 chạy xe máy vào, tại đây L2, T1 đi đến thùng rác lấy 03 bao dây cáp điện chất lên xe của H3 và H4 để H4 và H3 chở về nhà của H3 cất giấu. Đến sáng cùng ngày H3, H4, L2 và T1 lột bỏ lớp vỏ nhựa bên ngoài dây cáp rồi đem bán cho Trần Thị Kim H, cân được 70kg với số tiền 7.000.000 đồng. Có được tiền H1 chia cho L2, H3, H4, H2, L1, H5 và T1 mỗi người 1.000.000 đồng. Tài sản chiếm đoạt là dây cáp điện loại 325mm có trọng lượng 70 kg lõi đồng, trị giá 12.445.863 đồng (theo Biên bản định giá số 69 ngày 06/7/2006 và Biên bản xác định giá trị thiệt hại ngày 27/7/2006).

#### Vụ thứ tư:

Ngày 18/6/2006, Lê Văn L2 đang ở nhà thì có 01 người tên Thành (chưa rõ lai lịch) gọi điện thoại nói có lấy 01 số thanh phôi nhôm tại Công ty Cổ phần M và nhờ L2 lấy ra dùm. Sau đó L2 báo sự việc trên cho H1 biết để H1 phân công ca trực, H1 bố trí B1 trực tại xưởng cán nguội, H1, H4 trực tại cổng sau và T1 trực tại cổng trước công ty từ 22 giờ đến 06 giờ sáng. Khoảng 02 giờ ngày 19/6/2006, H4, H3 gọi điện thoại cho L2 nói đến Công ty lấy hàng, nhận được điện thoại thì L2 điện cho H5 cùng đi. L2 điều khiển xe mô tô B1 số 60H4 - 8122, H5 điều khiển xe mô tô biển số 51X7 - 6204 đến cổng sau Công ty S, tại đây T3 và một số công nhân khác trong đó có 01 người tên T4 (chưa rõ lai lịch) khiêng 03 bao thanh phôi nhôm lên xe L2 và H5 để L2

và H5 chở về nhà L2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cất giấu. Đến sáng cùng ngày cả nhóm đem bán số nhôm trộm được cho Mai Hoàng K được 12.450.000 đồng, T1 được chia 1.050.000 đồng. Tài sản chiếm đoạt là 56 tấm nhôm trị giá 19.364.072 đồng (theo Biên bản định giá số 116 ngày 12/9/2006).

Vụ thứ năm:

Ngày 20/6/2006, Đinh Trung H1, L2 và T1 trực tại công ty từ 22 giờ đến 06 giờ sáng. H1 thông báo cho Hồng Thủy H2 biết tối nay sẽ mang hàng ra ngoài, sau đó H2 nói L1 vào kho nguyên phụ liệu cắt dây cáp điện, Ngô Kim L1 vào kho dùng kéo cắt được 03 bao dây cáp điện loại 325mm và 03 thanh phôi nhôm loại lớn đem giấu vào trong thùng rác bên hông kho nguyên phụ liệu. Khoảng 20 giờ cùng ngày L2 gọi điện thoại kêu H3 đến lấy hàng và H3 gọi điện cho H4 cùng đi. H3 điều khiển xe mô tô biển số 60T2 - 3212, H4 điều khiển xe mô tô không biển số đến công ty S. Khi đến nơi, H1 mở cửa cho H3 và H4 chạy xe mô tô vào. Tại đây L2, T1 đi đến thùng rác lấy 03 bao dây cáp điện, 03 thanh phôi nhôm chất lên xe H3 và H4 để H4 và H3 chở về nhà của H3 cất giấu. Khi H4 và H3 điều khiển xe mô tô đi đến khu vực ngã tư Chợ Đồn thuộc phường B, thành phố B thì bị Công an thành phố B kiểm tra bắt giữ chuyển cho Công an huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương để điều tra xử lý theo thẩm quyền. Tài sản chiếm đoạt là 34,8m dây cáp điện loại 325mm và 03 thanh phôi nhôm có tổng trị giá là 20.103.402 đồng (theo Biên bản định giá số 69 ngày 06/7/2006 và Biên bản xác định giá trị thiệt hại ngày 27/7/2006).

Đối với việc xử lý trách nhiệm hình sự Đinh Trung H1, Hồng Thủy H2, Ngô Kim L1, Đàm Đức H4, Đào Ngọc H3, Lê Văn L2, Lê Trung H5 và Trương Văn B1 đã được Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương giải quyết tại Bản án số 33/2007/HSST ngày 06/02/2007. Đối với Đỗ Văn T1, sau khi thực hiện hành vi đã bỏ trốn và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra lệnh truy nã.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 33/2007/HSST ngày 06/02/2007 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương, do đó Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

Ngày 26/12/2022, bị cáo bị Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai bắt giữ theo Quyết định truy nã số 34 ngày 08/9/2006 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương.

Tại Cáo trạng số: 170/CT-VKS ngày 11 tháng 5 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Đỗ Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 với mức án từ 02

(hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2007/HSST ngày 06 tháng 02 năm 2007 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương nên không đề nghị xem xét xử lý.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T1 trình bày: Thống nhất với nội dung cáo trạng truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là cao, chưa tương xứng với mức độ hành vi của bị cáo. Bị cáo T1 chỉ tham gia với vai trò giúp sức, thứ yếu; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn (bị cáo T1 nhận được có 3.550.000 đồng); bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo khác đã nộp đầy đủ số tiền thu lợi bất chính để bồi thường thiệt hại cho Công ty; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo đã có công bảo vệ tổ quốc, hoàn thành nghĩa vụ quân sự của công dân từ năm 1993 đến năm 1995 và hiện nay còn nuôi 3 con nhỏ đang đi học cấp 2-3, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đang phải đi ở trọ tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét áp dụng mức hình phạt từ 12 đến 18 tháng tù đối với bị cáo để vừa tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sớm trở lại cuộc sống bình thường, sửa chữa lỗi lầm, sớm về với gia đình làm ăn để nuôi con nhỏ và bớt đi gánh nặng gia đình, địa phương và xã hội, cũng vừa có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo T1 và tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Đỗ Văn T1 thống nhất với ý kiến trình bày của người bào chữa và không bổ sung gì thêm.

Ông Vòng Nhật H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần M vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến: Về trách nhiệm dân sự: không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Công ty. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo Đỗ Văn T1 sớm trở về với gia đình.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Đỗ Văn T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về lo cho cha mẹ già, con nhỏ và trở thành công dân sống có ích cho gia đình, xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều

tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại người bào chữa không có ý kiến hay KH5 nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực thi hành. Khi truy tố và xét xử thì Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành có mức hình phạt về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 là có lợi hơn so với mức hình phạt quy định tại Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Từ ngày 16/5/2006 đến ngày 20/6/2006, Đỗ Văn T1 và đồng phạm đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt dây cáp điện loại 325mm và phôi nhôm của Công ty Cổ phần M tổng trị giá 72.360.093 đồng. Hành vi của Đỗ Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Đỗ Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo Đỗ Văn T1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án, gây tâm lý hoang mang cho người dân tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo nhận rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì tham lam, tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả xảy ra, sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với vai trò, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm có tác dụng trừng trị, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá mỗi lần trên 2.000.000 đồng. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo T1 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự

của công dân 02 năm từ năm 1993 đến năm 1995. Đây là những là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm trong đó bị cáo Đinh Trung H1 là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy và tham gia tất cả các lần chiếm đoạt tài sản của Công ty. Bị cáo T1 là nhân viên bảo vệ thuộc Công ty T được phân công bảo vệ tài sản của Công ty nhưng đã câu kết, giúp sức cho các bị cáo khác thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty.

[9] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2007/HSST ngày 06 tháng 02 năm 2007 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem, giải quyết.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình phạt là nặng chưa tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng hình phạt nhẹ hơn mức đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[11] Ý kiến của người bào chữa về hình phạt là chưa phù hợp với Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2007 của Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2021.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Văn T1 phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc

kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tuyên**